

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2022.

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

2. Ông Phạm Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 02/8/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị L, sinh năm 1988. Địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Trương Minh Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: xã K, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Năm 2011 bà L và ông Q đã tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, nhưng đến năm 2012 ông Q mới đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/02/2012.

Quá trình chung sống, bà L và ông Q có 01 người con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 27/12/2011, hiện con đang sống chung với bà L.

Sau khi chung sống với nhau được khoảng 04 năm thì bà L và ông Q xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Bà L và ông Q đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình chung sống, bà L và ông Q không có tài sản chung và nợ chung.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trương Minh Q.

- *Về con chung*: Bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 27/12/2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L tự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* *Đối với bị đơn là ông Trương Minh Q*: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Q nhưng ông không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Q.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Q; Về con chung: Bà L có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trương Huỳnh Anh, sinh ngày 27/12/2011, vì từ khi bà L và ông Q sống ly thân đến nay thì con vẫn sống chung với bà L và được bà L chăm sóc tốt. Con chung tên Anh có nguyện vọng muốn được sống chung với bà L sau khi bà L và ông Q ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên A cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L có **đơn xin xét xử vắng** mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông Trương Minh Q vắng mặt không lý do. Vì vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn là ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1,

khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L có yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trương Minh Q;
- Về con chung: Bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 27/12/2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà L không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh Q tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 theo quy định pháp luật, nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà L và ông Q phát sinh mâu thuẫn, nhưng ông bà không tìm biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài. Bà L và ông Q đã không sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay, trong khoảng thời gian này thì bà L và ông Q cũng không tìm được biện pháp nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và bản thân các đương sự đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức và triệu tập các đương sự tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà L và ông Q gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn và đoàn tụ, vì quan hệ hôn nhân là phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nhưng ông Q không tham gia và bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là kiên quyết ly hôn với ông Q.

Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng của bà L và ông Q đã rạn nứt trầm trọng, không còn biện pháp nào hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ, vậy nên cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân đã không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là Nguyễn Thị L, tuyên bố bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trương Minh Q.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông Q có một người con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 27/12/2011.

Xét thấy, từ khi bà L và ông Q sống ly thân đến nay thì con chung tên A vẫn sống chung với bà L, được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và bà L có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Con chung tên Anh có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ là bà L sau khi cha mẹ cháu (bà L và ông Q) ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung tên A, cũng như ổn định môi trường sống cho con chung tên A, đồng thời cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung tên A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Ông Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; **Điều 238**; Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trương Minh Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 27/12/2011 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Minh Q được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003807 ngày 21/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt là nguyên đơn Nguyễn Thị L và bị đơn Trương Minh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã Kế An – Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Thị Bạch Vân

Phạm Thanh Tâm

Tô Thị Bích Duyên